TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HD
TỈNH BL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2023/DS-ST
Ngày: 28/9/2023
(V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD - TỈNH BL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lại Thiện Phong và ông Lê Văn Thuyền**

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 383/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp XG, xã NTL, huyện HD, tỉnh BL

Đồng bị đơn: Chị Trần Bé S, sinh năm 1981

Anh Phạm Ra Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp Xẻo Gừa, xã NTL, huyện HD, tỉnh BL

(Bà L, anh Đ và chị S có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày: Trước đây bà có cho vợ chồng Phạm Ra Đ Trần Bé S vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

-Vào ngày 15/12/2019 (dương lịch) bà có cho vay số tiền gốc là 34.400.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng, hai bên có làm giấy tay và chị Trần Bé S có ký tên vào biên nhận nợ.

-Vào ngày 23/02/2020 (dương lịch) bà có cho vay số tiền gốc là 95.200.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng, hai bên có làm giấy tay và anh Phạm Ra Đ có ký tên vào biên nhận nợ.

-Vào ngày 15/11/2020 (dương lịch) bà có cho vay số tiền gốc là

23.800.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng, hai bên có làm giấy tay và chị Trần Bé S có ký tên vào biên nhận nợ.

Tổng số tiền bà cho vợ chồng chị S và anh Đ vay là 153.400.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng Phạm Ra Đ và Trần Bé S (Trần Bé S) giao trả cho bà số tiền vay vốn là 153.400.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày 28/01/2022 cho đến khi xét xử vụ án. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn chị Trần Bé S trình bày: Trước đây chị có chơi hụi của bà Nguyễn Thị Thu L nhiều lần cụ thể như sau:

-Vào ngày 25/10/2018 (dương lịch) dây hụi 1.000.000 đồng có tất cả 30 chưng, mỗi tháng khui 1 lần, chị có tham gia chơi 1 chưng, chị đã hốt chưng hụi này.

-Vào ngày 25/10/2018 (dương lịch) dây hụi 1.000.000 đồng có tất cả 30 chưng, mỗi tháng khui 1 lần, chị có tham gia chơi 1 chưng, chị đã hốt chưng hụi này, hiện còn thiếu lại 1 kỳ hụi chết với số tiền là 1.000.000 đồng.

-Vào ngày 05/8/2019 (dương lịch) dây hụi 2.000.000 đồng có tất cả 22 chưng, mỗi tháng khui 1 lần, chị có tham gia chơi 1 chưng, chị đã hốt chưng hụi này.

-Vào ngày 05/8/2019 (dương lịch) dây hụi 2.000.000 đồng có tất cả 22 chưng, mỗi tháng khui 1 lần, chị có tham gia chơi 1 chưng, chị đã hốt chưng hụi này, hiện còn thiếu lại 1 kỳ hụi chết với số tiền là 2.000.000 đồng.

-Vào ngày 15/12/2019 (dương lịch) dây hụi 1.000.000 đồng có tất cả 28 chưng, mỗi tháng khui 1 lần, chị có tham gia chơi 1 chưng, chị đã hốt chưng hụi này.

-Vào ngày 15/12/2019 (dương lịch) dây hụi 1.000.000 đồng có tất cả 28 chưng, mỗi tháng khui 1 lần, chị có tham gia chơi 1 chưng, chị đã hốt chưng hụi này.

Các dây hụi này đều đã mãn, chị cũng không nhớ các dây hụi này chị hốt vào kỳ thứ mấy, sau khi hốt hụi thì vợ chồng chị đi thành phố làm ăn, mỗi tháng vợ chồng chị có gửi tiền về cho mẹ chị để đóng hụi cho bà L đầy đủ, tuy nhiên do chỗ quen biết, tin tưởng nhau nên chị không có cho bà L ký tên nhận tiền đóng hụi. Tết năm 2022 vợ chồng chị về nhà ăn tết thì bà L có đưa cho chị tờ biên nhận chốt số tiền hụi mà chị còn thiếu bà L tổng cộng là 48.000.000 đồng, sau đó chị đã đóng dần cho bà L được số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 8.000.000 đồng nhưng do bà L có đưa cho chị tờ giấy tính tiền lãi của các dây hụi này (do đợt dịch bệnh vợ chồng chị không có đi làm nên không có đóng hụi cho bà L được) với số tiền là 194.400.000 đồng. Do đó, vợ chồng chị không có khả năng đóng nên mới không trả số tiền còn lại cho bà L nên còn thiếu lại bà L số tiền hụi là 8.000.000 đồng.

Từ trước đến nay chị không có vay của bà L bất cứ số tiền nào. Biên nhận ghi ngày 15/12/2019 có ghi chị có nhận của bà L số tiền 34.400.000 đồng là đúng, nhưng số tiền này là tiền bà L bán hụi cho chị chứ không có vay, dây

hụi này là hụi 1.000.000 đồng có tất cả 25 chưng, bà L đưa tiền cho chị vào kỳ hụi đầu tiên, Sau đó chị đã đóng lại chưng hụi chết này xong, hiện không còn thiếu bà L. Chị không có ký tên vào tờ biên nhận 15/11/2020 (dương lịch) do bà L cung cấp. Chị yêu cầu Tòa án xác minh làm rõ các tờ biên nhận này.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị giao trả số tiền vay vốn là 153.400.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày 28/01/2022 cho đến ngày xét xử vụ án là chị không đồng ý vì vợ chồng chị không có vay tiền của bà L, vợ chồng chị chỉ có nợ bà L số tiền của các dây hụi chị đã nêu ở trên là 8.000.000 đồng, chị đồng ý trả số tiền này cho bà L. Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Phạm Ra Đ trình bày: Anh thống nhất với lời khai của vợ anh là Trần Bé S về việc có tham gia chơi hụi của bà L, anh xin bổ sung thêm ý kiến, đối với biên nhận ngày 23/02/2020 (dương lịch) do bà L cung cấp cho Tòa án có nội dung là anh có nhận của bà L số tiền 95.200.000 đồng là không đúng, anh không có nhận của bà L số tiền này cũng như không có ký tên vào tờ biên nhận này.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh giao trả số tiền vay vốn là 153.400.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật kể từ kể từ ngày 28/01/2022 cho đến ngày xét xử vụ án là anh không đồng ý vì vợ chồng anh không có vay tiền của bà L, vợ chồng anh chỉ có nợ bà L số tiền của các dây hụi anh đã nêu ở trên là 8.000.000 đồng, anh đồng ý trả số tiền này cho bà L. Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị S và anh Đ chưa chấp hành nghiêm giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L đối với anh Phạm Ra Đ và chị Trần Bé S. Buộc chị Trần Bé S và anh Phạm Ra Đ có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền vay gốc là 153.400.000 đồng và tiền lãi là 25.464.400 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Thu L không phải chịu, buộc anh Phạm Ra Đ và chị Trần Bé S phải chịu theo quy định.

Chi phí giám định: Buộc anh Đ và chị S phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L đối với anh Phạm Ra Đ và chị Trần Bé S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn anh Phạm Ra Đ và chị Trần Bé S có địa chỉ thường trú tại huyện HD, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu L khởi kiện yêu cầu chị Trần Bé S và anh Phạm Ra Đ giao trả số tiền vay gốc là 153.400.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày 28/01/2022 cho đến ngày xét xử vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án chị S và anh Đ cho rằng không có vay tiền của bà L, mà các bên chỉ có giao dịch hụi với nhau, nên bà L yêu cầu trả số tiền nêu trên thì chị S và anh Đ không đồng ý trả.

[2.1] Trong quá trình giải quyết bà L có cung cấp cho Tòa án 3 biên nhận : biên nhận ngày 15/12/2019 (dương lịch) thể hiện có cho vay số tiền gốc là 34.400.000 đồng, biên nhận này do chị S ký tên nhận; Biên nhận ngày 23/02/2020 dương lịch thể hiện có cho vay số tiền gốc là 95.200.000 đồng, biên nhận này do anh Đ ký tên nhận; Biên nhận ngày 15/11/2020 dương lịch thể hiện có cho vay số tiền gốc là 23.800.000 đồng, biên nhận này do chị S ký tên nhận. Chị S và anh Đ không thừa nhận vay tiền và không có ký tên vào các biên nhận này, bà L có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của chị S và anh Đ trong các biên nhận này tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BL và Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết luận số 14/KL-KTHS ngày 14/02/20234 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BL và kết luận số 5320/KL – KTHS ngày 13/9/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký chữ viết trong các biên nhận mà bà L cung cấp với mẫu các chữ ký chữ viết của anh Đ và chị S mà Tòa án thu thập là do cùng một người viết ra.

[2.2] Chị S và anh Đ cho rằng có giao dịch hụi với bà L và chỉ thiếu tiền hụi của bà L là 8.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà L. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L thừa nhận trước đây bà có giao dịch hụi với chị S và anh Đ. Tuy nhiên, các giao dịch hụi đã thanh toán xong, hiện chị S và anh Đ không còn nợ tiền hụi của bà. Mặt khác, bà L xác định các biên nhận do bà L cung cấp thể hiện là chị S và anh Đ có nhận của bà L tổng số tiền là 153.400.000 đồng chứ không thể hiện là nhận tiền hụi. Ngoài ra chị S và anh Đ không còn tài liệu hay chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền bà L khởi kiện là tiền hụi chứ không phải tiền vay.

[3] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc bà L có cho anh Đ và chị S vay tiền là thực tế có xảy ra, do anh Đ và chị S không thanh toán trả cho bà L nên hiện còn nợ bà L số tiền vay gốc là 153.400.000 đồng, nên cần buộc chị S và anh Đ cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền này.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay gốc: Xét thấy, khi vay bà L với anh Đ và chị S không thỏa thuận lãi suất. Do đó, khi phát sinh tranh chấp

thì căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng. Mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm tức là 0.83%/tháng. Số tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 28/01/2022 (dương lịch) đến ngày xét xử 28/9/2023 dương lịch: số tiền vay gốc là: 153.400.000 đồng x 0.83%/tháng x 20 tháng = 25.464.400 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi chị S và anh Đ phải có nghĩa vụ thanh toán tar cho bà L là 178.864.400 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền tạm ứng án phí là 3.835.000 đồng theo biên lai thu số 0006593 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án huyện HD. Buộc anh Phạm Ra Đ và chị Trần Bé S cùng có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 8.943.000 đồng tại Chi cục Thi hành án huyện HD.

[6] Chi phí giám định: Buộc anh Phạm Ra Đ và chị Trần Bé S cùng có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền 7.000.000 đồng.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 160; Điều 161 và Điều 162 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L đối với anh Phạm Ra Đ và chị Trần Bé S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/. Buộc anh Phạm Ra Đ và chị Trần Bé S cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền là 178.864.400 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền tạm ứng án phí là 3.835.000 đồng theo biên lai thu số 0006593 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án huyện HD. Buộc anh Phạm Ra Đ và

chị Trần Bé S cùng có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 8.943.000 đồng tại Chi cục Thi hành án huyện HD.

4/. Chi phí giám định: Buộc anh Phạm Ra Đ và chị Trần Bé S cùng có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền 7.000.000 đồng.

4/.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bà Nguyễn Thị Thu L, anh Phạm Ra Đ và chị Trần Bé S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện HD;
- Chi cục THADS huyện HD;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm